TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc TH

Bản án số: 43/2020/DS-PT
Ngày: 10/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/TL-DSPT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1429/2020/QĐXX-PT ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A (Tên gọi khác Nguyễn Thị A); sinh năm: 1939; địa chỉ: Tổ 15, phường TP, Thành phố HG, tỉnh Hà Giang; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn*:* Ông Nguyễn Văn A1; sinh năm: 1958; địa chỉ Tổ 15, phường TP, Thành phố HG, tỉnh Hà Giang; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A2 - Chức vụ Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang: Ông Hoàng Văn A3 - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố HG; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị A3 - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố HG: Ông Trần Xuân A4 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố HG; theo Văn bản ủy quyền số 323/CVUQ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HG; có đơn xin xét xử vắng mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim A trình bày: chồng bà là Lộc Văn A5 đã chết năm 1993. Bà có diện tích đất 345m^2, tại thửa số 75, tờ bản đồ số 12; địa chỉ tổ 15, phường TP, Thành phố HG, tỉnh Hà Giang, bà đã trồng cây lâu năm và trước đây con trai bà là Lộc Nguyên A6 sử dụng. Năm 2015, bà đã khởi kiện con trai bà là anh Lộc Nguyên A6 và đã được Tòa án nhân dân Thành phố HG giải quyết. Khi đo đạc kiểm tra thì phát hiện thiếu diện tích đất là 8,5m^2; tại thời điểm đó bà nghĩ cứ nhận sau đó còn thiếu ở trường hợp nào thì tính sau. Sau khi vụ án tranh chấp giữa bà và con trai bà là Lộc Nguyên A6 kết thúc bà A được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) Thành phố HG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) ngày 24/4/2015; diện tích đất được cấp là 333,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm thửa đất số 75, tờ bản đồ số 12.

Khoảng tháng 10/2015, bà đến Phòng Công chứng để làm thủ tục chia đất cho con thì phòng Công chứng cho biết thửa đất bị thiếu không đủ để chia theo phần; sau đó bà có về xem lại diện tích đất so với GCNQSDĐ được cấp thì phát hiện ra thiếu 8,5m^2 phần đất giáp nhà anh A1 hàng xóm và giáp đường dân sinh ra là 1,5m, sâu bà chưa xác định được bao nhiêu m. Yêu cầu anh A1 trả lại cho bà diện tích đất 8,5m^2 hiện anh A1 đã lấn chiếm; Ngày 10/11/2017, bà A có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị TAND thành phố xem xét thêm phần diện tích đất chưa cấp cho bà còn ở ngoài sổ bìa đỏ là 46m^2, hiện nay anh A1 đang sử dụng; Đề nghị hủy Quyết định số 907/QĐ-UB ngày 5/6/1999 của UBND tỉnh Hà Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Nguyễn Văn A1; xem xét việc cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 do UBND Thành phố HG cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A diện tích 333,5 m^2 còn thiếu so với hiện trạng đất bà sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A1 trình bày: Vợ ông là Khương Thị A7 đã chết năm 2014. Về nguồn gốc thửa đất bà A đang tranh chấp với ông là do bố mẹ ông để lại cho từ năm 1982, sau đó ông đã khai phá và sử dụng. Đến năm 1999 được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 71, Tờ bản đồ số 9, loại đất ở đô thị với diện tích đất là 286,3m^2 tại tổ 25, phường TP, thị xã HG, tỉnh Hà Giang (nay là tổ 15, phường TP, Thành phố HG, tỉnh Hà

Giang). Từ năm 1982 đến nay ông vẫn sử dụng trồng cây chuối, rau lang không tranh chấp với ai. Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho bà A diện tích đất 8,5m^2 ông không nhất trí.

Ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố HG đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc diện tích đất tranh chấp được xác định tại các điểm: (P1, PT1, T2, T3, T4, T5, P2, P1); Diện tích đất tranh chấp thửa số 1,2 có diện tích là 1,6 + 50,8m^2 = 52,4m^2; các điểm PT1, T2, T3, T4, T5 do ông A1 xác định tại thực địa; các điểm P1, P2, PT1 do bà A xác định tại thực địa. Thửa 3, diện tích đất ông A1 đang sử dụng 308,3m^2; Thửa 4 diện tích đất bà A đang sử dụng 362,0m^2.(BL 57, 61).

Ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân Thành phố HG đã tiến hành hòa giải, các bên đương sự đã nhất trí với nội dung: ông Nguyễn Văn A1 nhất trí trả lại cho bà Nguyễn Thị A diện tích đất 4,8m^2, có vị trí từ điểm T2, T3, T4 *(Có sơ đồ trích đo địa chính số 45-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và môi trường kèm theo).* Chi phí thẩm định: Bà Nguyễn Thị A chịu 376.845đ, ông Nguyễn Văn A1 chịu 3.000.000đ; Tiền án phí: ông Nguyễn Văn A1 chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (BL 68). Ngày 16/8/2017, bà A có đơn không nhất trí với Biên bản hòa giải thành ngày 15/8/2017.

Ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân Thành phố HG tiến hành Hòa giải lần 2, bà A xác định diện tích đất tranh chấp là 50,8m^2 trị giá tiền là 51.000.000đ; do hai bên không thỏa thuận được về giá trị đất tranh chấp, ngày 22/5/2018, Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định thành lập số 02 ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố HG xác định giá trị diện tích đất tranh chấp là 50,8m^2 x 2.000.000đ/m^2 = 101.600.000đ.

Tại quyết định số 01/2018/QĐST-DSTC ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân Thành phố HG đã chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã tiến hành thụ lý giải quyết và bổ sung đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang: Tại Văn bản số 3037/UBND - NC ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Hà Giang cho biết, về căn cứ pháp lý, quy trình tiếp nhận hồ sơ và đánh giá hồ sơ về việc cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn A1 được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 88/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ, Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính, cụ thể: Quyết định số 907/QĐ-UB ngày 5/6/1999 của UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ cho hộ anh A1 có thửa đất số 71, Tờ bản đồ số 9, loại đất thổ cư với diện tích đất là 286,3m^2, thời gian sử dụng lâu dài. Về diện tích, ranh giới đã được cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn A1 là đúng với Biên

bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 15/9/1997. Việc bà A yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ anh Nguyễn Văn A1 là không có cơ sở; đề nghị giữ nguyên Quyết định số 907/QĐ-UB về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn A1.

Ủy ban nhân dân Thành phố HG trình bày: Căn cứ vào Quyết định số 04/2015/QĐST-DSTC ngày 23/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố HG về việc Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bản đồ địa chính và các tài liệu liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ. Phòng Tài nguyên và Môi trường lấy đó làm cơ sở để trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho bà A theo đúng ranh giới đã được cấp cho anh Lộc Nguyên A6 trước đây, đối với phần diện tích đất của anh A1 được cấp theo đúng ranh giới năm 1997. Không có sự cấp chồng lấn lên GCNQSDĐ của hộ anh A1. UBND Thành phố HG không nhất trí bổ sung 46m^2 vào GCNQSDĐ theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A diện tích 333,5m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều nhất trí với nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2017 do Tòa án nhân dân Thành phố HG tiến hành thẩm định và Sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 45/2017 ngày 25/7/2017 (BL 61) của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang; ông Nguyễn Văn A1 nhất trí trả lại cho bà A diện tích đất vườn 4,8m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 195, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 24, Điều 33 Luật đất đai năm 1993; Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định 88/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất đô thị; Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A (Tên gọi khác Nguyễn Thị A). Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn A1 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A diện tích đất 4,8m^2 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 45/2017 có các bên tiếp giáp: Phía Đông giáp đất vườn bà A; Phía Tây giáp đất nhà anh A1; Phía Nam giáp đất nhà Bà A; Phía Bắc Giáp đất nhà anh A1 *(Có sơ đồ kèm theo).*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về yêu cầu hủy Quyết định số 907/QĐ-UB ngày 05/6/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Nguyễn Văn A1 với

diện tích đất ở đô thị 286,3m^2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu UBND Thành phố HG cấp bổ sung diện tích đất vườn 46m^2 vào GCNQSDĐ của bà A theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND Thành phố HG đã cấp cho bà A diện tích đất vườn 333,5m^2.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 08 năm 2019 bà Nguyễn Thị Kim A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến cho rằng: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn A1 lấn sang thửa đất của bà A 4,8m^2, ông A1 đã tự nguyện trả bà A diện tích đất trên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của ông A1, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố HG thụ lý theo trình tự sơ thẩm. Ngày 10/11/2017 bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A1. Tòa án nhân dân Thành phố HG đã chuyển vụ án và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nguồn gốc và quá trình biến động của thửa đất đang có tranh chấp:

[2.1]. Năm 1976 bà Nguyễn Thị Kim A được cấp Giấy chứng nhận Quyền quản lý và sử dụng ruộng đất với diện tích sử dụng 216m^2, tạm giao 200m^2. Đến năm 1998, bà A chuyển nhượng cho chị A7 diện tích đất là 74m^2, năm 1999 cho con trai là anh Lộc Nguyên A6 diện tích đất thổ cư 74,8m^2, năm 2002 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Minh A8 và bà Đỗ Thị A9 diện tích đất 80 m^2

theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2002; diện tích đất còn lại của bà A là 89,2m^2 đất thổ cư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, năm 2002 bà A đã chuyển nhượng cho chị A10 diện tích đất này. Chị A10, anh A6 và chị A7 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, bà A đã chuyển nhượng và tặng cho diện tích đất thổ cư với diện tích 318m^2 cho 04 người (so với giấy chứng nhận quyền quản lý & sử dụng ruộng đất bà A được cấp năm 1976 thừa 102m^2). Năm 2001, bà A đã tặng cho con trai bà là anh Lộc Nguyên A6 diện tích đất vườn nằm phía sau phần diện tích đất thổ cư mà bà A được cấp năm 1976 đã chuyển nhượng cho chị A10, ông bà A11, chị A7 và tặng cho anh A6. Anh A6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/12/2002 với diện tích là 335,8m^2.

Năm 2015, bà A và anh A6 có tranh chấp, bà A khởi kiện đòi lại diện tích đất vườn đã cho anh A6 là 335,8 m^2. Tại Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2015/QĐST-DSTC ngày 23/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố HG đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Nguyễn Thị A và anh Lộc Nguyên A6, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị A12 với nội dung: Anh A6 và chị A12 trả cho bà A diện tích đất vườn là 333,5m^2. Trên cơ sở đó UBND Thành phố HG đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 diện tích 333,5m^2.

[2.2]. Về nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn A1 là do bố mẹ ông A1 là cụ L và cụ V để lại từ năm 1982. Năm 1999, ông A1 được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất ở đô thị với diện tích đất là 286,3m^2.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2017 do Tòa án nhân dân Thành phố HG tiến hành thẩm định và Sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 45/2017 ngày 25/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang thể hiện: Ranh giới diện tích đất tranh chấp được xác định tại các điểm: (P1, PT1, T2, T3, T4, T5, P2, P1); Diện tích đất tranh chấp thửa số 1,2 có diện tích là 1,6 + 50,8m^2 = 52,4m^2; các điểm PT1, T2, T3, T4, T5 do anh A1 xác định tại thực địa; các điểm P1, P2, PT1 do bà A xác định tại thực địa; Thửa 3, diện tích đất ông A1 đang sử dụng 308,3m^2 (so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A1 thừa là 22m^2); Thửa 4 diện tích đất bà A đang sử dụng 362m^2 (so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà A thừa 28,5m^2).

Về ranh giới thửa đất: bà A xác định diện tích đất tranh chấp bà đã trồng cây mít, cây nhãn. Tuy nhiên tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lần 2 ngày 31/10/2018 diện tích đất tranh chấp giữa bà A và ông A1 xác định hiện trạng trên đất có trồng rau lang, 05 cây chuối, 01 cây đu đủ nhỏ.

Do mốc giới giữa đất tranh chấp không rõ ràng, mỗi bên đương sự xác định vị trí khác nhau, bởi vậy cần lấy ranh giới theo bản đồ địa chính để làm cơ sở xác định. Đối với diện tích đất vườn có tranh chấp 8,5m^2 theo nội dung đơn khởi kiện lần đầu của bà A. Căn cứ theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 45/2017 ngày 25/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang diện tích đất ông A1 đang sử dụng lấn sang đất bà A với diện tích là 4,8m^2, được xác định tại các điểm T2, T3, T4 có các bên tiếp giáp: Phía Đông giáp đất vườn bà A; Phía Tây giáp đất ông A1; Phía Nam giáp đất Bà A; Phía Bắc giáp đất nhà ông A1. Tại phiên tòa sơ thẩm ông A1 nhất trí trả lại cho bà A diện tích đất trên, Tòa án chấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện của ông A1 là có cơ sở.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung bà A đề nghị Tòa buộc ông A1 trả lại cho bà diện tích đất vườn 46m^2 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu Uỷ ban nhân dân Thành phố HG bổ sung diện tích đất vườn 46m^2 vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ lời trình bày của chị A12 là vợ của anh Lộc Nguyên A6 (con dâu bà A) là người quản lý diện tích đất tranh chấp từ năm 2001 đến năm 2014 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ông Nguyễn Văn A1.

Kết quả làm việc với những người dân sinh sống lâu năm tại trục đường LTK, Ngõ 19, tổ 15 phường TP là các ông Nguyễn Tường L1, Nguyễn Đức L2, Phạm Duy H, Nguyễn Thị M đều xác định: không rõ ai khai phá diện tích đất đang tranh chấp nhưng từ năm 1978 - 1979 bố mẹ ông A1 là cụ bà L và cụ V có xây dựng 01 lán nhỏ, phần trước lán trồng rau; sau đó vợ chồng ông A1 có trồng rau lang và chuối đến nay.

Do đó có cơ sở xác định về nguồn gốc diện tích đất 46m^2 đang tranh chấp là do bố mẹ ông A1 để lại, ông A1 là người đã và đang sử dụng. Quá trình sử dụng đất gia đình ông A1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong việc kê khai đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1999, ông A1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông A1, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã thực hiện đúng trình tự pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 1993 và Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định 88/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất đô thị. Bà A khởi kiện nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh diện tích đất 46m^2 bà đã sử dụng hợp pháp, ổn định, lâu dài và Uỷ ban nhân dân Thành phố HG đã cấp thiếu diện tích đất này cho bà nên Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu trên của bà A là có cơ sở.

Như vậy, những nội dung kháng cáo của nguyên đơn đã được Tòa án cấp

sơ thẩm phân tích đánh giá và quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A.

Do kháng cáo của nguyên đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà A là người cao tuổi theo Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang ;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Thanh **Nguyễn Phương Hạnh** **Vũ Thị Thu Hà**